TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG** Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST Ngày: 24 -10 -2019 Về việc: Xin ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út.

2. Ông Phan Văn Huy.

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thanh Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2019/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 01 năm 2019, về việc: "Xin Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Trần Kim T, sinh năm 1989. Có mặt

Địa chỉ: Khu phố Y, phường M, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1968. Có mặt

Địa chỉ: Khu phố Y, phường M, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Văn Mạnh, sinh năm 1955, Công tác tại Trung tâm tư vấn pháp luật Phú Quốc, thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng thương mại cổ phần Đ. Vắng mặt

Địa chỉ: quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công N, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Kiên Giang.

Địa chỉ: phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ủy quyền cho: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Hà Tiên.

Địa chỉ: phường Đ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Ngân hàng thương mại cổ phần V. Có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: phường L, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nghiêm Xuân T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Ngọc H, chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Kiên Giang.

Địa chỉ: đường A, phường V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Ủy quyền cho: Ông Lê Thanh Q, chức vụ: Trưởng phòng Giao dịch Hà Tiên.

Địa chỉ: Khu phố B, phường Đ, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1958. Có mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Trần Văn C, sinh năm 1950. Có mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã Hòa Đ, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Bà Dương Thị M, sinh năm 1955. Có mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Trần Kim T trình bày: Bà và ông Nguyễn Thành N chung sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/6/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng năm 2018 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn xuất phát từ công việc làm ăn, cách nuôi dạy con cái, cách nay khoảng 06 tháng vợ chồng cãi nhau thì ông N có đánh bà, có sự chứng kiến của người giúp việc trong gia đình và cha mẹ bà. Việc mâu thuẫn giữa vợ chồng chỉ có người trong gia đình biết, không có trình báo với chính quyền địa phương nên không có hòa giải mâu thuẫn. Nay xét thấy không còn tình cảm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà trình bày vợ chồng chung sống có hai con chung tên Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 06/10/2008 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 18/4/2017. Tuy nhiên sau khi vợ chồng có mâu thuẫn, ông N xét nghiệm DNA đối với cháu B và cho rằng không phải con chung của ông bà, do đó bà cũng thống nhất hiện nay bà và ông N có 01 con chung là cháu Q. Hiện nay con chung đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà trình bày ông, bà chung sống có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà trình bày vợ chồng ông, bà có vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Phòng giao dịch Hà Tiên số tiền 950.000.000 đồng, có thế chấp quyền sử dụng đất đứng tên cha mẹ của bà là ông Trần Văn C và bà Trần Thị M tại ấp Cảng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số BU 350431, số vào sổ cấp GCN: CH01071 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương cấp ngày 15/7/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AB 987592, số vào sổ cấp GCN: H03675 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương cấp ngày 03/10/2007 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AB 987943, số vào sổ cấp GCN: H03358 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương cấp ngày 21/6/2007 và Ngân hàng thương mại cổ phần V – Phòng giao dịch Hà Tiên số tiền 900.000.000 đồng, có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại lô C11-14, đường số 02, khu đô thị mới, phường Pháo Đài, thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang. Ngày 25/6/2019 bà đã thanh toán toàn bộ số tiền vay 950.000.000 đồng và lãi phát sinh tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Phòng giao dịch Hà Tiên. Bà đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán số tiền 900.000.000 đồng vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần V – Phòng giao dịch Hà Tiên. Ngoài ra cha mẹ ruột của bà là ông Trần Văn C, bà Trần Thị M có cho bà vay mượn tiền để đầu tư kinh doanh là 1.300.000.000 đồng, bà đồng ý chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ này cho ông C, bà M và không yêu cầu ông N cùng liên đới thanh toán các khoản nợ.

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Thành N trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà Trần Kim T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình chung sống, xét thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Tài sản chung ông và bà T tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông thống nhất để cho bà T thanh toán các khoản nợ vay cho ngân hàng.

Ông trình bày trong thời gian chung sống, vợ ông có sinh hai người con tên Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 06/10/2008 và Nguyễn Quốc B, sinh ngày 18/4/2017. Tuy nhiên qua xét nghiệm DNA, cháu B và ông không có quan hệ huyết thống cha con. Do đó hiện nay con chung của ông và bà T chỉ có cháu Q. Ông yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn Tuấn trình bày: Ngày 29/11/2018, bà Trần Kim T và ông Nguyễn Thành N ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2018/9343802/HĐTD ngày 29/11/2018 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Phòng giao dịch Hà Tiên, vay số tiền 950.000.000 đồng, lãi suất vay: 9,5%/năm; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động nuôi tôm, thời hạn vay 11 tháng, đến hạn ngày 29/10/2019. Tài sản B đảm là các bất động sản của bà Trần Thị M và ông Trần Văn C tại ấp Cảng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số BU 350431, số vào sổ cấp GCN:

CH01071 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương cấp ngày 15/7/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AB 987592, số vào sổ cấp GCN: H03675 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương cấp ngày 03/10/2007 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AB 987943, số vào sổ cấp GCN: H03358 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương cấp ngày 21/6/2007. Ngày 25/6/2019, bà Trần Kim T đã thanh toán toàn bộ số tiền vay 950.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho Ngân hàng, hiện nay bà T không còn nợ ngân hàng nên Ngân hàng không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần V – người đại diện theo ủy quyền ông Lê Thanh Quí trình bày: Ngày 27/7/2018, bà Trần Kim T và ông Nguyễn Thành N có ký kết hợp đồng tín dụng số 0285/18/0391/HT, đến ngày 24/5/2019 ký tiếp hợp đồng tín dụng số 0158/19/0391/HT với Ngân hàng thương mại cổ phần V – Phòng giao dịch Hà Tiên để vay số tiền tổng cộng là 900.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng, ngày đến hạn 24/10/2019. Tài sản thế chấp là: đất ở đô thị tại Lô C11-14, đường số 02, khu đô thị mới, phường Pháo Đài, thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên), tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BL 738483 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 05/10/2012, diện tích 134,4 m^2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T, ông N đều thực hiện thanh toán tiền gốc và lãi đầy đủ, đúng quy định cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng đồng ý để bà Trần Kim T chịu trách nhiệm thanh toán khoản vay tại Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết, ngân hàng không có yêu cầu độc lập trong vụ án này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C trình bày: Ông và vợ bà Trần Thị M là cha mẹ của Trần Kim T, trước đây ông bà ủy quyền cho T đứng ra ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2018/9343802/HĐTD ngày 29/11/2018 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ – Phòng giao dịch Hà Tiên, vay số tiền 950.000.000 đồng, lãi suất vay: 9,5%/năm; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động nuôi tôm, thời hạn vay 11 tháng, đến hạn ngày 29/10/2019. Tài sản B đảm là các bất động sản của bà Trần Thị M và ông Trần Văn C tại ấp Cảng, xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số BU 350431, số vào sổ cấp GCN: CH01071 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương cấp ngày 15/7/2014; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AB 987592, số vào sổ cấp GCN: H03675 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương cấp ngày 03/10/2007 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AB 987943, số vào sổ cấp GCN: H03358 do Ủy ban nhân dân huyện Kiên Lương cấp ngày 21/6/2007. Ngày 25/6/2019, ông bà có cho đưa cho T 500.000.000 đồng để thanh toán khoản vay tại Ngân hàng. Ngoài ra trước đây vợ chồng ông bà còn cho T mượn số tiền 800.000.000 đồng để làm ăn kinh doanh, tổng cộng hiện nay ông bà cho T vay là 1.300.000.000 đồng. Nay ông đồng ý để bà T có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ này cho ông bà, không có yêu cầu độc lập hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày: Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chồng bà ông Trần Văn C, bà đồng ý để con gái là bà

Trần Kim T có nghĩa vụ thanh toán cho ông bà số tiền 1.300.000.000 đồng, không có yêu cầu độc lập hay yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Kim T với ông Nguyễn Thành N. Giao con chung tên Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 06/10/2008, giới tính nữ cho bà Trần Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, phù hợp với nguyện vọng của cháu Q, ghi nhận việc bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Tài sản chung và nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xem xét. Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Trần Kim T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao con chung với ông Nguyễn Thành N. Bà T và ông N có đăng ký tạm trú tại Khu phố Y, phường M, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Do đó, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sự có mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì lý do bất khả kháng hay trở ngại khách quan, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án và yêu cầu của đương sự:

Quan hệ hôn nhân: Bà Trần Kim T và ông Nguyễn Thành N chung sống với nhau từ năm 2006, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Điền, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy Chứng nhận kết hôn năm 2008, do đó hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hòa thuận hạnh phúc, ông bà cũng thừa nhận khoảng năm 2018 giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ với nhau. Nguyên nhân xuất phát từ công việc làm ăn, cách nuôi dạy con cái, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn khi ông N xúc phạm và đánh bà trước sự chứng kiến của

người giúp việc gia đình và cha mẹ bà. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà, hiện nay ông bà không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Xét thấy hôn nhân của bà T, ông N là hôn nhân hợp pháp, bà T yêu cầu ly hôn và ông N cũng đồng ý. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà T với ông N là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời gian chung sống với ông Nguyễn Thành N, bà Trần Kim T có sinh được hai người con là Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 06/10/2008, giới tính nữ và Nguyễn Quốc B, sinh ngay 18/4/2017, giới tính nam. Tuy nhiên bà T và ông N thống nhất ông bà chỉ có một con chung là Nguyễn Xuân Q, còn Nguyễn Quốc B là con riêng của bà T. Tại phiên tòa bà T và ông N đều yêu cầu được trực tiếp con chung đến tuổi trưởng thành và không ai yêu cầu cấp dưỡng chi phí nuôi con chung. Tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn như sau: *"...Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.."*.

Do ông N và bà T tranh chấp quyền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Qua lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện cháu Q hiện nay đang sinh sống tại khu phố Y, thành phố Hà Tiên, đang theo học tại trường tiểu học Đông Hồ. Từ tháng 04/2019 do ông N, bà T có mâu thuẫn nên ông N đi làm ăn và sinh sống tại Phú Quốc, cháu Q vẫn ở Hà Tiên do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông N và bà T đều trình bày có công việc, thu nhập ổn định đảm B điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên ông N hiện nay đang làm việc tại Phú Quốc, chỗ ở chưa ổn định, ông trình bày nếu được nuôi con sẽ đưa cháu về Cần Thơ sinh sống. Xét thấy cháu Q giới tính nữ, từ trước đến nay đều do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Trong thời gian từ tháng 04/2019 đến nay, mặc dù không còn chung sống với ông N nhưng bà T vẫn đảm B việc nuôi con phát triển bình thường về mọi mặt nên việc giao cháu cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, đảm B điều kiện cho bé được tiếp tục học tập, phát triển về thể chất, tinh thần. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, cháu Q cũng có nguyện vọng được mẹ tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó việc giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và nguyện vọng của con. Ghi nhận ý kiến bà Trần Kim T không yêu cầu ông Nguyễn Thành N cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà T và ông N trình bày chung sống có tạo lập được tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Thành N, bà Trần Kim

T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc thống nhất để bà Trần Kim T chịu trách nhiệm tiếp tục thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng đã thỏa thuận. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có yêu cầu độc lập hay yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Trần Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Kim T với ông Nguyễn Thành N.

Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Xuân Q, sinh ngày 06/10/2008, giới tính nữ cho bà Trần Kim T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận ý kiến bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Bà Trần Kim T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Thành N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà Trần Kim T và ông Nguyễn Thành N tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Thành N, bà Trần Kim T, ông Trần Văn C, bà Trần Thị M, Ngân hàng thương mại cổ phần V thống nhất để bà Trần Kim T chịu trách nhiệm tiếp tục thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng.

2. Án phí: Bà Trần Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Bà Trần Kim T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008840 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang nên bà T không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Kim T và bị đơn ông Nguyễn Thành N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C, bà Trần Thị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương và Ngân hàng thương mại cổ phần Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP.Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP.Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ
NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh
phúc